TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-PT
Ngày 10-01-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Trung Dũng.

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Anh

Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Đặng Hà Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09, 10 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DSST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 02/2020/QĐPT-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Đ, sinh năm 1942 và bà Trương Thị K, sinh năm 1952; cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức H, sinh năm 1971; địa chỉ: Tổ 5, khu phố 2, đường T, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 24/9/2018).

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1965 và ông Bùi Đức X, sinh năm 1964; cùng địa chỉ: Tổ 2, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Thái Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ liên hệ: Tổ 1, khu phố 3, phường U, thị xã T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền ngày 23/12/2019).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Trần Đăng K, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người kháng cáo: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Đức Xuất.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Đức H trình bày:

Ông Trần Đ, bà Trương Thị K và bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X là chỗ quen biết. Ngày 11/5/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X có vay của ông Trần Đ, bà Trương Thị K số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, hai bên có lập giấy mượn tiền ngày 11/5/2018. Nội dung thỏa thuận khi nào ông Trần Đ, bà Trương Thị K cần lấy lại tiền thì báo cho bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X trước 01 tháng (30 ngày).

Ngày 02/9/2018, ông Trần Đ, bà Trương Thị K có đến nhà báo cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X biết việc ông Trần Đ, bà Trương Thị K cần sử dụng tiền, vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X cũng không nói gì và hứa đến ngày 11/9/2018 sẽ trả lại số tiền gốc và lãi. Đến hẹn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X chỉ trả lại số tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.000.000 đồng, còn lại số tiền 150.000.000 đồng thì bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X nói rằng đã trả cho con trai ông Trần Đ, bà Trương Thị K là Trần Đăng K nhưng trước đó, ngày 10/8/2018 ông Trần Đăng K đã đi làm phụ hồ xa, hiện tại gia đình không biết thông tin ông Trần Đăng K đang ở đâu. Số tiền ông Trần Đ, bà Trương Thị K cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X vay là tài sản của ông Trần Đ, bà Trương Thị K, không phải tài sản của ông Trần Đăng K nên việc bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X cho rằng đã thanh toán cho ông Trần Đăng K là không đúng đối tượng; giữa ông Trần Đăng K và ông Trần Đ, bà Trương Thị K không có thỏa thuận gì nên nguyên đơn không đồng ý việc này vì bị đơn vay tiền của ai thì trả cho người đó.

Nay ông Trần Đ và bà Trương Thị K khởi kiện yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X trả lại số tiền là 159.000.000 đồng (trong đó, nợ gốc: 150.000.000 đồng và nợ lãi: Tính từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018 là 9.000.000 đồng). Về tiền lãi từ ngày 01/01/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X - ông Thái Thanh H trình bày:

Vào tháng 3 năm 2018, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X đã nhiều lần cho ông Trần Đăng K, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 1, ấp B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Dương là con trai của ông Trần Đ và bà Trương Thị K vay

tổng số tiền 130.000.000 đồng, khi vay tiền ông Trần Đăng K tự viết và ký nhận vào sổ viết tay và cam kết một tháng sau sẽ trả lại cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X. Cụ thể:

+ Lần 1: Ngày 08/3/2018, ông Trần Đăng K vay số tiền 50.000.000 đồng;

+ Lần 2: Ngày 16/3/2018, ông Trần Đăng K vay số tiền 50.000.000 đồng;

+ Lần 3: Ngày 21/3/2018, ông Trần Đăng K vay số tiền 30.000.000 đồng;

Đến hạn thanh toán thì ông Trần Đăng K không thanh toán khoản tiền đã vay cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X mà bỏ trốn. Bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X dự định tố cáo ông Trần Đăng K ra cơ quan công an về hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản thì ông Trần Đ, bà Trương Thị K đến nhà xin thanh toán thay cho ông Trần Đăng K toàn bộ số tiền nợ gốc là 130.000.000 đồng và một khoản tiền lãi tương ứng là 20.000.000 đồng.

Ngày 11/5/2018, ông Trần Đ, bà Trương Thị K có trả nợ thay ông Trần Đăng K gồm số tiền gốc và tiền lãi là 150.000.000 đồng. Khi trả nợ thay, ông Trần Đ, bà Trương Thị K có nhờ bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X viết cho một giấy vay tiền số tiền 200.000.000 đồng để ông Trần Đ, bà Trương Thị K có bằng chứng đòi lại tiền từ ông Trần Đăng K và dạy dỗ, nói chuyện lại với ông Trần Đăng K tránh vay mượn tiền lung tung làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của gia đình.

Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Đ, bà Trương Thị K thì bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X không đồng ý vì bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X không mượn tiền của nguyên đơn ông Trần Đ, bà Trương Thị K còn giấy mượn tiền ngày 11/5/2018 do vợ chồng ông Trần Đ và bà Trương Thị K nhờ bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X viết nhằm mục đích đòi lại tiền từ ông Trần Đăng K và giáo dục lại con ông Trần Đ và bà Trương Thị K là Trần Đăng K. Trên thực tế bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X không mượn tiền của ông Trần Đ và bà Trương Thị K.

Bị đơn yêu cầu Tòa án căn cứ khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao đình chỉ việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 15/7/2019, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn thanh toán số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi 7.470.000 đồng tiền lãi từ ngày ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày xét xử 15/7/2019.

4. Về nghĩa vụ thanh toán: Buộc bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X có trách nhiệm thanh toán cho ông Trần Đ và Trương Thị K số tiền vay gốc là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 7.470.000 đồng. Tổng cộng: 157.470.000 đồng

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi án tuyên, bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X có đơn kháng cáo toàn bộ bản án (đơn kháng cáo trong hạn luật định)

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Có căn cứ xác định nguyên đơn đã cho bị đơn vay 200.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng nguyên đơn trả nợ thay con là Trần Đăng K và nhờ bị đơn viết giấy cho bị đơn vay 200.000.000 đồng để đòi lại tiền từ ông Trần Đăng K là không hợp lý và mâu thuẫn. Do đó, 02 khoản vay trên không liên quan với nhau nên việc nguyên đơn kháng cáo yêu cầu đình chỉ vụ án do không xác định được địa chỉ của ông Trần Đăng K là không có căn cứ. Tuy nhiên, nguyên đơn đã thừa nhận có nhận của bị đơn 16.000.000 đồng tiền lãi và 50.000.000 đồng tiền gốc. Đề nghị khấu trừ số tiền trả lãi vượt quy định cho bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày, tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án:

[2] Nguyên đơn ông Trần Đ, bà Trương Thị K cho rằng: Ngày 11/5/2018, vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X có vay của ông Trần Đ, bà Trương Thị K số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận 02%/tháng, hai bên có lập giấy vay tiền ngày 11/5/2018; ngày 11/9/2018, bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X có trả cho ông Trần Đ, bà Trương Thị K số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi. Ông Trần Đ,

bà Trương Thị K khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X trả lại số tiền còn lại là 150.000.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018 là 9.000.000 đồng. Tổng cộng: 159.000.000 đồng.

[3] Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X cho rằng: Vào các ngày 08/3/2018, 16/3/2018, 21/3/2018, ông Trần Đăng K (là con của ông Trần Đ, bà Trương Thị K) có vay của bị đơn với tổng số tiền là 130.000.000 đồng. Ngày 11/5/2018, ông Trần Đ, bà Trương Thị K trả nợ thay con là ông Trần Đăng K với số tiền 150.000.000 đồng (130.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Khi trả nợ thay, ông Trần Đ, bà Trương Thị K có nhờ bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X viết cho một giấy vay tiền số tiền 200.000.000 đồng để ông Trần Đ, bà Trương Thị K có bằng chứng đòi lại tiền từ ông Trần Đăng K và dạy dỗ, nói chuyện lại với ông Trần Đăng K tránh vay mượn tiền lung tung làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự của gia đình. Thực tế bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X không có vay tiền của ông Trần Đ, bà Trương Thị K, do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Bị đơn thừa nhận chữ ký trong Giấy mượn tiền lập ngày 11/5/2018 chính là chữ ký của bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X, không có yêu cầu giám định, đây là tình tiết không phải chứng minh phù hợp với khoản 1 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Bị đơn cho rằng nguyên đơn trả nợ thay con là ông Trần Đăng K với số tiền 150.000.000 đồng (130.000.000 đồng tiền gốc và 20.000.000 đồng tiền lãi). Khi trả nợ thay, nguyên đơn có nhờ bị đơn viết cho một giấy vay tiền xác nhận bị đơn có vay tiền số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn để có bằng chứng đòi lại tiền và dạy dỗ ông Trần Đăng K là không có căn cứ bởi lẽ: Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của bị đơn xác định giấy xác nhận ông Trần Đăng K vay tiền của bà Nguyễn Thị H hiện nay bà Nguyễn Thị H đang giữ, việc nguyên đơn trả nợ thay con nhưng nguyên đơn lại không lấy lại giấy vay tiền là điều không hợp lý. Đồng thời, việc bị đơn cho rằng nguyên đơn nhờ bị đơn viết giấy vay tiền xác nhận bị đơn có vay 200.000.000 đồng của nguyên đơn để có bằng chứng đòi lại tiền và dạy dỗ ông Trần Đăng K là mâu thuẫn bởi nếu muốn đòi lại tiền và dạy dỗ ông Trần Đăng K, nguyên đơn chỉ cần yêu cầu bị đơn xác nhận là nguyên đơn đã trả nợ thay ông Trần Đăng K, việc bị đơn viết giấy xác nhận rằng bị đơn có vay số tiền 200.000.000 đồng của nguyên đơn là không có ý nghĩa trong việc đòi lại tiền từ ông Trần Đăng K. Hơn nữa, tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cũng xác nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 50.000.000 đồng tiền gốc và trong các tháng 6, 7, 8, 9/2018 có trả lãi cho nguyên đơn là 4.000.000 đồng mỗi tháng chứng tỏ khoản vay này là có thật. Do đó, lời trình bày của bị đơn là không có căn cứ.

[5] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ xác định bị đơn có vay của nguyên đơn 200.000.000 đồng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 4.000.000 đồng/ tháng, tức là 02%/tháng. Mức lãi suất này là cao hơn so với quy định

tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015. Căn cứ Điều 9 Nghị quyết 01/2019/NG-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì: *Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi.* Hội đồng xét xử trừ số tiền trả lãi vượt quá quy định của bị đơn trong các tháng 6,7, 8, 9/2018 thì đến tháng ngày 11/9/2018, bị đơn còn nợ nguyên đơn là 147.293.087 đồng tiền gốc. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán lãi từ ngày 01/10/2018 đến 31/12/2018, đồng thời, nguyên đơn có thông báo cho bị đơn trả số tiền gốc vào ngày 10/11/2018 nhưng bị đơn không trả. Như vậy, từ ngày 11/11/2018, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó kể từ ngày 11/11/2018 đến ngày 31/12/2018, bị đơn phải chịu lãi suất quá hạn theo quy định. Cụ thể, số tiền lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn như sau: Tiền lãi trong hạn từ ngày 01/10/2018 đến 10/11/2018: 147.293.087 đồng x 1,67%/ tháng x 01 tháng 09 ngày = 2.705.773 đồng; tiền lãi quá hạn từ ngày 11/11/2018 đến 31/12/2018: 147.293.087 đồng x 1,67%/tháng x 150% x 01 tháng 20 ngày = 6.149.485 đồng. Tổng cộng, số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 8.855.258 đồng. Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi từ ngày 01/01/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã ghi nhận, nguyên đơn không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét. Như vậy, số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 147.293.087 đồng tiền gốc + 8.855.258 đồng tiền lãi = 156.148.345 đồng.

[6] Người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng theo phiếu gửi EMS ngày 10/10/2018 của nguyên đơn không xác định được nguyên đơn đã gửi gì cho bị đơn, có phải là thông báo yêu cầu trả lại tiền cho vay hay không. Tuy nhiên, xét giữa hai bên nguyên đơn và bị đơn không có mối quan hệ nào khác nên có căn cứ cho rằng nguyên đơn đã gửi thông báo yêu cầu trả tiền cho vay cho bị đơn vào ngày 10/10/2018. Ngày 13/11/2018, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả nợ. Ngày 11/12/2018, Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết tranh chấp hợp đồng vay giữa nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015.

[7] Do khoản vay giữa nguyên đơn và bị đơn; giữa ông Trần Đăng K và bị đơn là 02 khoản vay độc lập, đồng thời ông Trần Đăng K là người đã thành niên, nguyên đơn không có trách nhiệm trả nợ thay cho ông Trần Đăng K nên ông Trần Đăng K không liên quan gì đến vụ án. Vì vậy, yêu cầu đình chỉ vụ án căn cứ khoản 1, 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Tòa án nhân dân tối cao của bị đơn là không có căn cứ. Bị đơn có thể khởi kiện yêu cầu ông Trần Đăng K trả lại các khoản tiền đã vay trong một vụ án khác.

[8] Kháng cáo của bị đơn là có căn cứ chấp nhận một phần.

[9] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp.

[10] Án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 92; khoản 2 Điều 148; khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X; sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 15/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương như sau:

1.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Đ, bà Nguyễn Thị Kèn; buộc bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X phải trả cho ông Trần Đ, bà Nguyễn Thị Kèn số tiền: 156.148.345 đồng (Một trăm năm mươi sáu triệu một trăm bốn mươi tám nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng).

1.2. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày 15/7/2019.

1.3. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị H và ông Bùi Đức X phải chịu 7.807.417 đồng (Bảy triệu tám trăm lẻ bảy nghìn bốn trăm mười bảy đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí phúc thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện B trả lại cho bà Nguyễn Thị H, ông Bùi Đức X mỗi người 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai số 0030661 ngày 09/8/2019 và số 0030742 ngày 25/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Trung Dũng